

Số: 268/NB-ĐHCNTT&TT

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 8 năm 2017

V/v thay đổi hình thức thi
đối với học phần thực hành

Kính gửi: Các Khoa/Bộ môn trực thuộc Trường

Căn cứ Quyết định số 1262/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy định về đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Nhà trường thông báo về việc thay đổi hình thức thi đối với học phần thực hành (không có giảng dạy lý thuyết) thực hiện như sau:

- Điểm kết thúc học phần thực hành là điểm trung bình cộng của các điểm thành phần (Sinh viên phải tham dự đầy đủ và thực hiện tất cả các bài thực hành).
- Điểm thành phần là điểm do giảng viên đánh giá trong quá trình lên lớp theo từng nội dung thực hành, cụ thể như sau: từng phần nếu là bài thực hành tổng hợp có nhiều nội dung liên quan; từng bài/nhóm bài nếu là bài/nhóm bài thực hành có tính độc lập.
- Số điểm thành phần do giảng viên căn cứ vào đặc thù của nội dung thực hành và điều kiện thực hành để đề xuất và thể hiện trong đề cương chi tiết học phần (theo mẫu số 01). Số điểm thành phần tối thiểu là $(n+2)$, trong đó n là số tín chỉ của học phần.
- Chuyên cần của sinh viên được giảng viên đánh giá trực tiếp vào chất lượng và hiệu quả của các bài thực hành.
- Nộp cho phòng Đào tạo sau khi kết thúc môn học 02 ngày: Bảng điểm danh (theo mẫu số 2.1); Bảng ghi điểm kiểm tra từng bài thực hành (theo mẫu số 2.2); Bảng điểm kết thúc học phần (theo mẫu số 2.3).
- Nộp về Phòng KT&ĐBCLGD các báo cáo nội dung từng bài thực hành của sinh viên có điểm chấm của giáo viên sau khi kết thúc môn học 05 ngày. Nếu có sản phẩm (phần cứng/phần mềm) thì lưu tại văn phòng các Khoa/Bộ môn.
- Tính giờ chấm điểm từng bài thực hành: Thực hiện theo định mức chấm bài kiểm tra định kỳ được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 5 Chương 2 của Quy định số 2537/QĐ-ĐHTN ngày 4 tháng 11 năm 2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên. Nhà trường đề nghị các Khoa/Bộ môn có các môn học liên quan rà soát, cập nhật lại đề cương chi tiết cho học phần thực hành và triển khai áp dụng từ năm học 2017-2018.

Nơi nhận: *mua*

- Như kính gửi (t/h);
- Ban Giám hiệu (b/c);
- Lưu: VT, KT&ĐBCKLGD.



TS. Vũ Đức Thái



DANH SÁCH ĐIỂM DANH SINH VIÊN

Lớp học phần : Anh văn 1-2-16-11 (CT HE2.KH12.K2.N03)

Học kỳ 2 năm học 2016 - 2017

Giáo viên dùng danh sách này để :

1. Điểm danh quá trình học tập của sinh viên
2. Nộp lại cho phòng Đào tạo sau khi kết thúc giảng dạy học phần.

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NGÀY/ THÁNG ĐIỂM DANH														Ghi chú
				.../	.../	.../	.../	.../	.../	.../	.../	.../	.../	.../	.../	.../	.../	
				..	..	..	..	..	..	..	..	..	..	..	..	..	..	
1	DTC165D3404060005	Nguyễn Văn A	08/05/1992															
2	DTC15HD3404050006	Nguyễn Văn B	17/09/1992															
3	DTC145D3404060078	Nguyễn Văn C	19/12/1992															
4	DTC135D3404050185	Nguyễn Văn D	15/12/1992															
5	DTC16HD5103040002	Nguyễn Văn E	23/03/1990															
6	DTC155D3404050011	Nguyễn Văn F	10/04/1992															
7	DTC15HD3404050025	Nguyễn Văn G	04/01/1992															
8	DTC15ND3404050002	Nguyễn Văn I	06/02/1992															
9	DTC16HD2104030013	Phạm Bá K	10/04/1992															
10	DTC155D4802010057	Trần Văn L	04/01/1992															
11	DTC135D3404060028	Hà Thị M	06/02/1992															

Ghi chú:

1. Có mặt

☒

Vắng mặt

☐

2. Sinh viên phải có mặt đầy đủ các thực hành .

HỌ TÊN, CHỮ KÝ CỦA GIÁO VIÊN
(ký và ghi rõ họ tên)

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm
XÁC NHẬN CỦA BỘ MÔN
(ký và ghi rõ họ tên)



DANH SÁCH ĐIỂM KẾT THÚC HỌC PHẦN

Lớp học phần: MMD231-2-14 (K12A.CNTDH.D1.N01)

Học kỳ : 2 Năm học : 2014 - 2015

Học phần : Kỹ thuật vi xử lý

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Điểm bài 1	Điểm bài 2	...	Điểm bài n	Điểm TBC	
									Bảng số	Bảng chữ
1	1	DTC1051220013	Nguyễn Văn A	08/05/1992						
2	2	DTC1051220051	Nguyễn Văn B	17/09/1992						
3	3	DTC1051220022	Nguyễn Văn C	19/12/1992						
4	4	DTC1051220005	Nguyễn Văn D	15/12/1992						
5	5	DTC1051220045	Nguyễn Văn E	23/03/1990						
6	6	DTC1051220029	Nguyễn Văn F	10/04/1992						
7	7	DTC1051220007	Nguyễn Văn G	04/01/1992						
8	8	DTC1051220032	Nguyễn Văn I	06/02/1992						

Tổng: sinh viên

Tổng điểm: Bảng chữ:

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm

HỌ TÊN, CHỮ KÝ CỦA GIÁO VIÊN
(ký và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA BỘ MÔN
(ký và ghi rõ họ tên)

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA BÀI THỰC HÀNH SỐ:.....

Mã học phần: GTC114 Số TC: 1

Học phần : Kỹ thuật vi xử lý

Ngày kiểm tra:

Học kỳ : 2

Năm học : 2014 - 2015

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên	Ngày Sinh	Chữ ký	Điểm (bằng số)	Điểm (bằng chữ)	Ghi chú
1	1	DTC165D3404060005	Nguyễn Văn A	08/05/1992				
2	2	DTC15HD3404050006	Nguyễn Văn B	17/09/1992				
3	3	DTC145D3404060078	Nguyễn Văn C	19/12/1992				
4	4	DTC135D3404050185	Nguyễn Văn D	15/12/1992				
5	5	DTC16HD5103040002	Nguyễn Văn E	23/03/1990				
6	6	DTC155D3404050011	Nguyễn Văn F	10/04/1992				
7	7	DTC15HD3404050025	Nguyễn Văn G	04/01/1992				
8	8	DTC15ND3404050002	Nguyễn Văn I	06/02/1992				
9	9	DTC16HD2104030013	Phạm Bá K	10/04/1992				
10	10	DTC155D4802010057	Trần Văn L	04/01/1992				
11	11	DTC135D3404060028	Hà Thị M	06/02/1992				

Tổng số bài thi:.....

Tổng điểm:..... Bảng chữ:.....

Ngày... .. tháng... .. năm....
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
KHOA/BỘ MÔN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tên học phần:

Mã học phần:

1. Thông tin chung về học phần.

- Số tín chỉ: 2TC (0LT; 2 TH)
- Loại học phần: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- Các học phần tiên quyết:
- Học phần học trước:
- Các học phần song hành:
- Bài tập lớn: ☐ Có ☐ Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
- Ngành/chuyên ngành đào tạo:
- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:
- Số tiết quy định đối với các hoạt động:
 - + Thực hành : (60-k) tiết
 - + Tự học : 120 giờ
 - + Bài kiểm tra : k tiết (k là số bài kiểm tra – tương đương k bài thực hành)

2. Thông tin chung về các giảng viên.

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1				
2				
...				

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần. (ít nhất khoảng 150 từ)

Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

4. Mục tiêu học phần.

- Mục tiêu về kiến thức:
- Mục tiêu về kỹ năng:
- Mục tiêu về thái độ:

Gợi ý: Nội dung của mục tiêu học phần (về kiến thức; về kỹ năng; về thái độ) phải bám sát chuẩn đầu ra của ngành.

5. Học liệu.

+ Giáo trình chính:

[1]. Tên tác giả, Năm xuất bản, *Tên giáo trình*, Nhà xuất bản.

+ Tài liệu tham khảo:

[2]. Tên tác giả, Năm xuất bản, *Tên giáo trình*, Nhà xuất bản.

Ví dụ:

[1]. **Nghiêm Văn Lợi** (2012), *Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

Chú ý:

- Với những học phần chưa có giáo trình chính có thể thay bằng tập bài giảng nhưng phải có sự phê duyệt của thủ trưởng đơn vị, sau khi đã thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa/Bộ môn trực thuộc.

- Tài liệu tham khảo **phải ghi đầy đủ** tên tài liệu, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản hoặc đường dẫn của **các Website**.

- Tài liệu tham khảo **phải được cập nhật mới** so với thời điểm biên soạn đề cương.

- Tài liệu có khả năng mua được trên thị trường hiện hành (trong trường hợp cần thiết cung cấp được địa chỉ mua cho thư viện).

6. Nhiệm vụ của sinh viên.

6.1. Phần bài tập, thực hành.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài thực hành. (điều kiện bắt buộc- nếu không tham gia thực hành một bài thì sinh viên không được tham dự bài tiếp theo và phải học lại học phần thực hành)

6.2. Phần khác (nếu có).

- Xác định theo mục tiêu học phần.

- Ví dụ như tham quan thực tế.

7. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên và thang điểm.

- Điểm đánh giá bộ phận chấm theo thang điểm 10 với cách tính như sau:

+ Bài kiểm tra: $(a_1), (a_2), \dots, (a_k)$ (là điểm thành phần của học phần thực hành)

+ Điểm học phần (f) là điểm trung bình chung các bài kiểm tra và làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$f = \frac{(a_1 + a_2 + \dots + a_k)}{k}$$

- Hình thức kiểm tra của từng bài thực hành: *lựa chọn hình thức kiểm tra phù hợp với nội dung thực hành.*

8. Nội dung chi tiết học phần.

Trình bày các bài thực hành sinh viên cần hoàn thành trong nội dung môn học.
Trong từng bài ghi tổng số tiết; số tiết thực hành, kiểm tra.

Bài 1:

(Tổng số tiết:.....; Số tiết thực hành:.....; Số tiết kiểm tra:.....;)

1.1 Mục đích:

1.2 Yêu cầu

-Kiến thức:

-Kỹ năng:

1.3 Nội dung

1.4 Hình thức đánh giá

Bài 2:

(Tổng số tiết:.....; Số tiết thực hành:.....; Số tiết kiểm tra:.....)

1.1 Mục đích:

1.2 Yêu cầu

-Kiến thức:

-Kỹ năng:

1.3 Nội dung

1.4 Hình thức đánh giá

.....

9. Kế hoạch triển khai học phần.

- Số buổi dạy thực hành: 20-k/3 buổi; số tiết/buổi: 03 (60-k)
- Bài kiểm tra thực hành: k tiết;

Buổi thứ	Nội dung	Hình thức học (Giảng LT, bài tập, thực hành hoặc kiểm tra)	Tài liệu học tập, tham khảo	Số tiết/ buổi
1	Bài 1:	Thực hành	[1], [2], (lấy từ mục học liệu 5)	
2	Bài 2:	Thực hành		

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm 20...

Hiệu trưởng

**Khoa/Bộ môn
trực thuộc**

Trưởng Bộ môn

Tập thể biên soạn